

CTCP Xây dựng số 9 - VC9 (HNX: VC9)

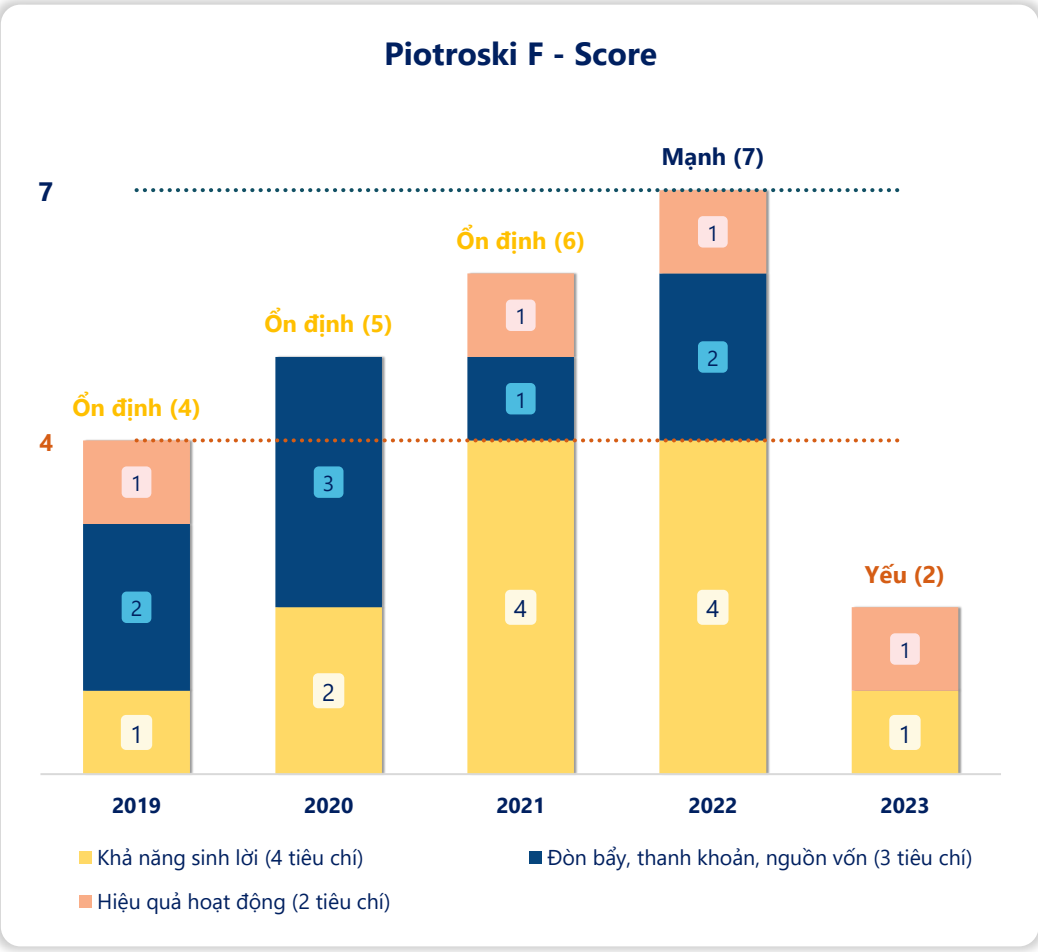
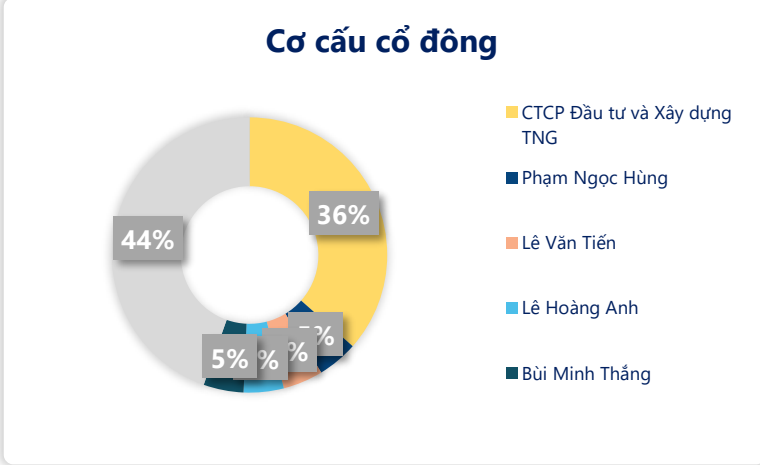
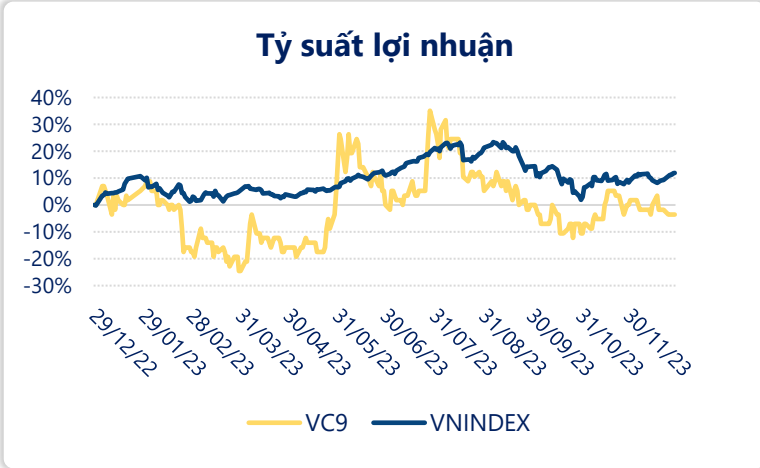
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	5,500 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.2%	0%	-6.8%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	2/9
2023	(Yếu)

DT thuần	2023
268	YoY
tỷ VNĐ	▼ 126
	▼ 31.9%

LN sau thuế	2023
1.40	YoY
tỷ VNĐ	▼ 0.45
	▼ 24.6%

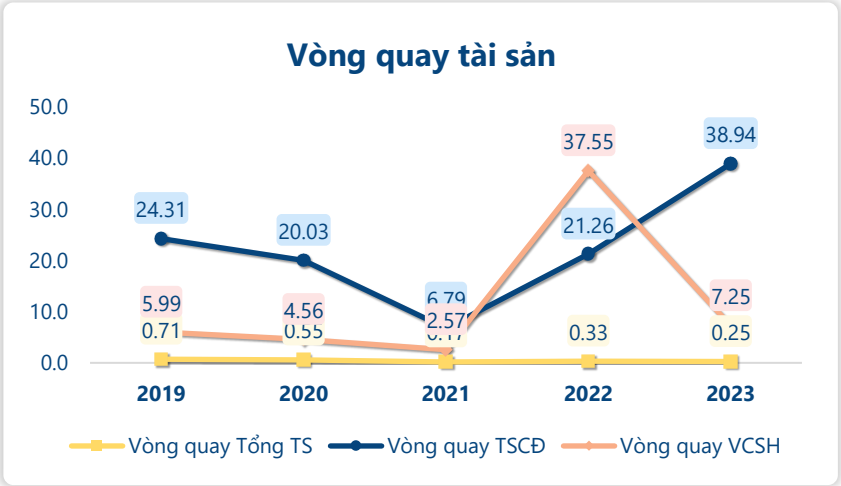
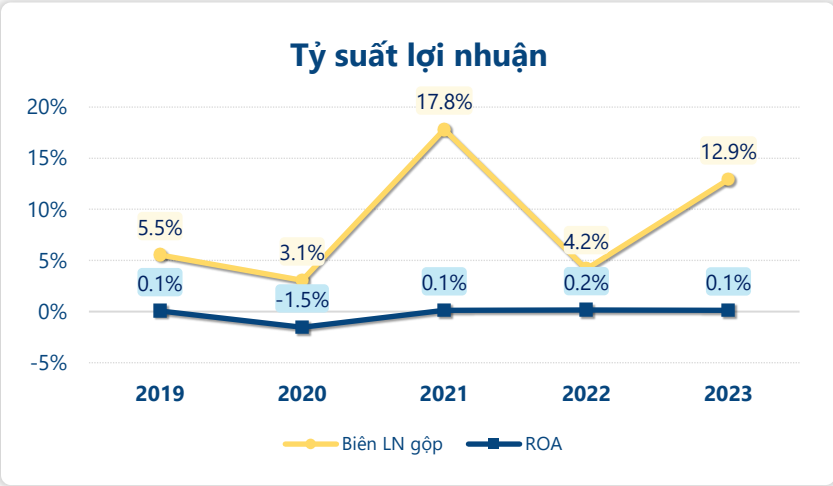
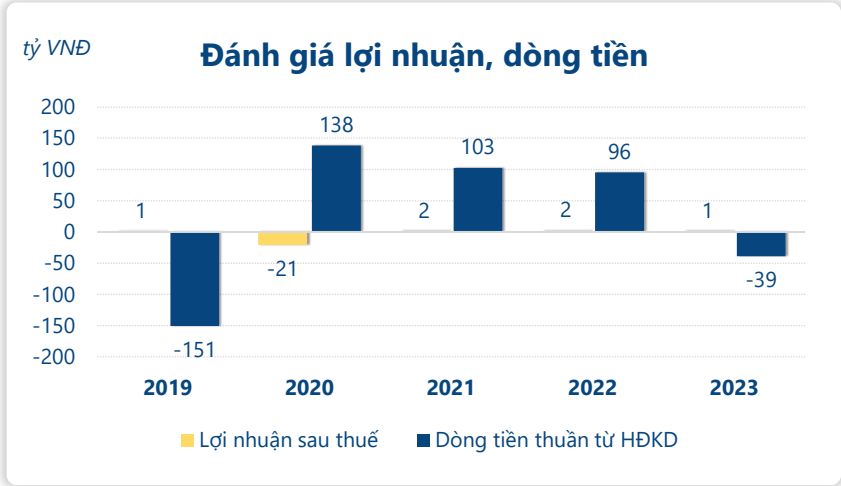


Năm **2023**, F-Score của **VC9** đạt **2/9** thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức **"yếu"**.

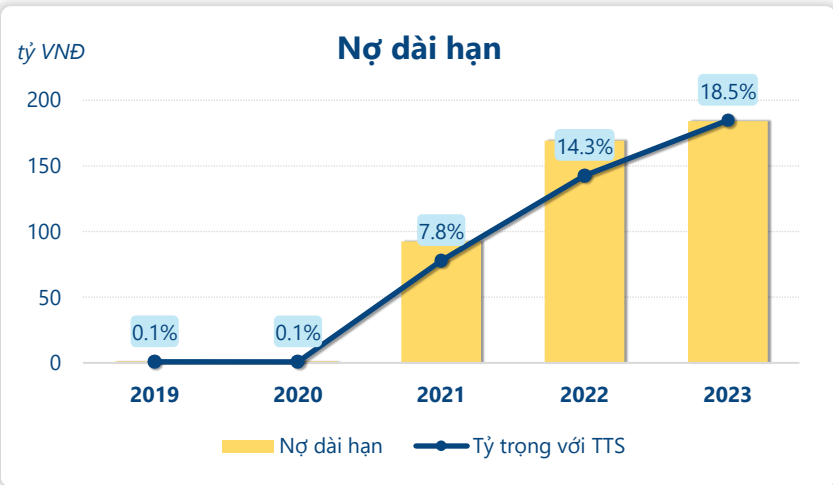
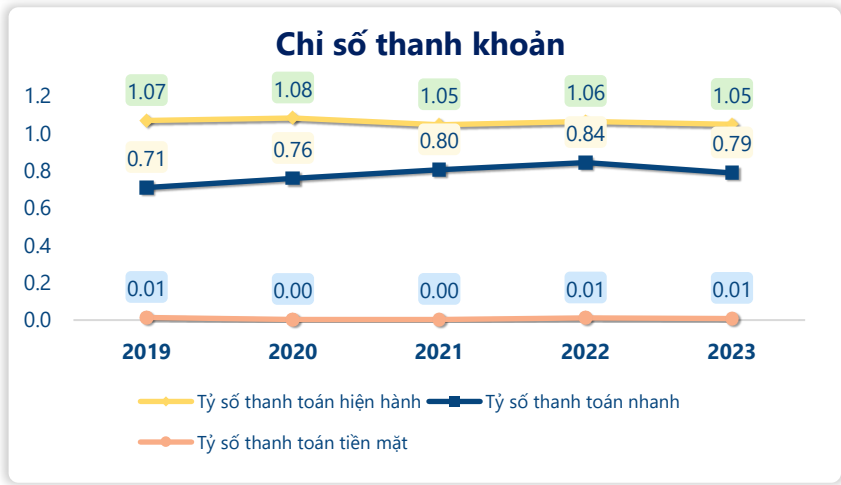
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không đạt tiêu chí nào **0/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Xây dựng số 9 - VC9 (HNX: VC9)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **VC9**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,000	1,186	-15.7%
Tài sản ngắn hạn	789	1,070	-26.2%
Tiền và tương đương tiền	6.76	11.2	-39.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.3	13.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	570	821	-30.6%
Hàng tồn kho	193	221	-12.7%
Tài sản ngắn hạn khác	5.82	2.80	108%
Tài sản dài hạn	211	116	81.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.92	8.87	-44.6%
Bất động sản đầu tư	6.58	6.78	-2.9%
Tài sản dở dang	142	55.2	158%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	57.1	45.6	25.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	937	1,175	-20.2%
Nợ ngắn hạn	753	1,005	-25.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	176	279	-36.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	236	292	-19.4%
Nợ dài hạn	184	169	8.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	25.2	30.0	-16.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	62.6	11.4	449%
Vốn chủ sở hữu	62.6	11.4	449%
Vốn điều lệ	170	120	41.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	1,075	749	210	394	268
Giá vốn hàng bán	1,015	726	172	378	234
Lợi nhuận gộp	59.5	22.9	37.4	16.4	34.7
Doanh thu HĐTC	6.56	5.57	14.8	16.8	10.5
Chi phí TC	27.3	27.8	36.2	31.5	30.6
Chi phí lãi vay	24.9	25.3	33.5	29.6	30.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.04	0.01	0	0	0
Chi phí QLDN	26.4	22.6	16.5	33.8	13.4
LN thuần từ HĐKD	12.3	-21.9	-0.46	-32.0	1.32
Lợi nhuận khác	-2.23	1.08	3.05	33.8	0.08
LN trước thuế	10.1	-20.9	2.58	1.85	1.40
Lợi nhuận sau thuế	0.91	-20.9	1.69	1.85	1.40
LNST của CĐ cty mẹ	0.91	-20.9	1.69	1.85	1.40

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-151	138	103	95.7	-38.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.38	-15.8	-57.9	-10.9	91.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	72.9	-137	-44.7	-77.4	-56.9
Tiền đầu kỳ	90.5	18.1	3.58	3.86	11.2
Lưu chuyển tiền thuần	-72.4	-14.5	0.28	7.35	-4.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.1	3.58	3.86	11.2	6.76